

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày 22-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S – Số xx đường P, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P – Số xx đường U, Phường z, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, sinh năm: 1965 – Chức danh: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1975 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối Ngân hàng bán lẻ V “văn bản ủy quyền ngày 04-01-2021”, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Anh Diệp Hoàng A, sinh năm: 1992; anh Nguyễn Trường T, sinh năm: 1993 và anh Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1973 “văn bản ủy quyền ngày 13-8-2021” (Anh Hoàng A có mặt, anh N và anh T vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P – Số xx đường U, Phường z, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hải S, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số P22, tổ 2, ấp P (nay là số Q06, tổ 10, ấp P), xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28-11-2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh Quận x – Phòng giao dịch C (sau đây gọi là Ngân hàng V) và anh Nguyễn Hải S thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17, với nội dung:

Ngân hàng V cho anh S vay 200.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu CHANGAN SC1022DB4, theo hợp đồng mua bán xe số 721/2017/PM-CHANGA ngày 14-11-2017, giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ P (sau đây gọi là Công ty P) và bên được cấp tín dụng là anh S; thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản vay được giải ngân là ngày 01-12-2017 đến ngày 30-11-2020; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,10%. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,09%/năm. Nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: Lãi suất quy đổi bằng (=) mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày chia (/) 360 (*) 365. Ngày 05 hàng tháng anh S phải thanh toán cho Ngân hàng V 5.555.000đ, tháng cuối cùng phải

trả 5.575.000đ (trong đó gồm có tiền gốc và tiền lãi); ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05-01-2018; trả phí theo quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản thế chấp là xe Ô tô tải nhãn hiệu CHANGA, biển kiểm soát 72C-113.xx, số khung RPMKN2F4CHN000723, số máy JL466Q4G64F000438, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 0601.HĐTC.VIB657.17, ngày 28-11-2017.

Ngày 30-11-2017, anh S có đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đề nghị chuyển khoản vào tài khoản số 6607040600076xx của Công ty P mở tại Ngân hàng V, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện thỏa thuận, Ngân hàng V đã giải ngân khoản vay cho anh S vào ngày 30-11-2017, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0601.KUNN.VIB657.17 với số tiền 200.000.000đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 05-8-2020, anh S đã thanh toán cho Ngân hàng V được 123.667.387đ (trong đó gốc 102.077.402đ và lãi 21.589.985đ).

Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng anh S vẫn không thanh toán nợ gốc và nợ lãi nên Ngân hàng V đã ban hành Thông báo số 59498.21 ngày 13-8-2021, thông báo cho anh S biết khoản vay đã quá hạn thanh toán và yêu cầu thanh toán, nếu không thanh toán sẽ khởi kiện ra Tòa án.

Đến ngày 05-8-2021, anh S còn nợ Ngân hàng V số tiền 136.144.913đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 10.245.675đ và nợ lãi quá hạn 27.976.640đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Do anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh S phải trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22-7-2022) là 156.171.225đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 514.925đ và nợ lãi quá hạn 57.733.702đ) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0601.HĐTD.VIB657.17 ngày 28-11-2017.

- Buộc anh S phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 22-7-2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký.

Ngân hàng V không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0601.HĐTC.VIB657.17, ngày 28-11-2017 giữa Ngân hàng V và anh S mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Bị đơn anh Nguyễn Hải S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh S tại địa phương, kết quả như sau: Anh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà P22, ấp P (do sát nhập nay là số nhà Q06, tổ 10, ấp P), xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay, anh S vẫn sinh sống cùng gia đình tại địa phương.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo pháp luật và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia; người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn anh N, anh T và bị đơn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập họp lệ, nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh S phải trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 22-7-2022 là 156.171.225đ

(trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 514.925đ và nợ lãi quá hạn 57.733.702đ) và tiếp tục chịu lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S phải trả nợ gốc còn lại và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17 ngày 28-11-2017, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp theo pháp luật và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại có mặt tham gia phiên tòa; người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[3.1] Ngày 28-11-2017, Ngân hàng V và anh S thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17, với nội dung: Ngân hàng V cho anh S vay 200.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản vay được giải ngân là ngày 01-12-2017 đến ngày 30-11-2020; mục đích vay để thanh toán mua xe ô tô; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,10%. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,09%/năm. Nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: Lãi suất quy đổi bằng (=) mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày chia (/) 360 (*) 365. Ngày 05 hàng tháng anh S phải thanh toán cho Ngân hàng V 5.555.000đ, tháng cuối cùng phải trả 5.575.000đ (trong đó gồm có tiền gốc và tiền lãi); ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05-

01-2018; trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

[3.2] Tài sản thế chấp là xe Ô tô tải nhãn hiệu CHANGA, biên kiểm soát 72C-113.xx, số khung RPMKN2F4CHN000723, số máy JL466Q4G64F000438, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0601.HĐTC.VIB657.17, ngày 28-11-2017.

[3.3] Ngày 30-11-2017, anh S có đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đề nghị Ngân hàng V chuyển khoản 200.000.000đ tiền vay vào tài khoản số 6607040600076xx của Công ty P.

[3.4] Thực hiện thỏa thuận, Ngân hàng V đã giải ngân khoản vay cho anh S vào ngày 30-11-2017 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0601.KUNN.VIB657.17 với số tiền 200.000.000đ.

[3.5] Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17 ngày 28-11-2017, được ký kết giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.6] Theo Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thì vào ngày 05 hàng tháng anh S phải thanh toán cho Ngân hàng V 5.555.000đ, tháng cuối cùng phải trả 5.575.000đ (trong đó gồm có tiền gốc và tiền lãi); ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05-01-2018 và ngày kết thúc là ngày 30-11-2020. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh S chỉ trả nợ gốc và nợ lãi đến tính ngày 05-8-2021 với số tiền 136.144.913đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 10.245.675đ và nợ lãi quá hạn 27.976.640đ), sau đó không trả và tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh S còn nợ 156.171.225đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 514.925đ và nợ lãi quá hạn 57.733.702đ). Do anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[3.7] Ngoài ra, anh S còn phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng V theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17 ngày 28-11-2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước

nhận nợ số 0601.KUNN.VIB657.17 ngày 30-11-2017, kể từ ngày 23-7-2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

[3.8] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh S phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền tính đến ngày 22-7-2022 là 156.171.225đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 514.925đ và nợ lãi quá hạn 57.733.702đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 23-7-2022 cho đến khi thanh toán xong theo Hợp đồng tín dụng số 0601.HĐTD.VIB657.17 ngày 28-11-2017.

[4] Tài sản đảm bảo: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, để đảm bảo cho khoản vay anh S đã thế chấp cho Ngân hàng V tài sản là xe Ô tô tải nhãn hiệu CHANGA, biển kiểm soát 72C-113.xx, số khung RPMKN2F4CHN000723, số máy JL466Q4G64F000438, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0601.HĐTC.VIB657.17, ngày 28-11-2017. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối tài sản thế chấp mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được Tòa án chấp nhận nên anh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $156.171.225đ \times 5\% = 7.808.561đ$ (làm tròn số 7.808.000đ), theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với anh Nguyễn Hải S.

Buộc anh Nguyễn Hải S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 156.171.225đ (trong đó nợ gốc 97.922.598đ, nợ lãi trong hạn 514.925đ và nợ lãi quá hạn 57.733.702đ) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 23-7-2022 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp

đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0601.HĐ.VIB657.17 ngày 28-11-2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0601.KUNN.VIB657.17 ngày 30-11-2017

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Hải S phải nộp 7.808.000 (bảy triệu, tám trăm không tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 3.400.000 (ba triệu, bốn trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008750 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA